

Bản án số: 30/2026/DS-ST
Ngày: 13-2-2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Đào

Ông Võ Văn Liềm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang tham gia phiên tòa: ông Võ Hoàng Hạng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 175/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2026/QĐXXST-DS, ngày 13 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N

Trụ sở tại: A T, Phường H, Thành phố H;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn S, chức vụ: Giám đốc chi nhánh.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 14/11/1973, chức vụ: Phó phòng khách hàng bán lẻ Ngân hàng TMCP N - chi nhánh T3 - TP HCM (Có mặt)

- Bị đơn: ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1990 (vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, tỉnh A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2024 của Ngân hàng TMCP N và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là ông Nguyễn Hữu T1 trình bày:

Căn cứ vào đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kèm hợp đồng của ông Nguyễn Văn H ngày 18/3/2022, Ngân hàng TMCP N - chi nhánh Tân Bình - TP HCM (VCB Chi nhánh Tân Bình) đã tiến hành cấp tín dụng cho ông Nguyễn Văn H 02 thẻ, cụ thể như sau:

+ Thẻ tín dụng số V04409154420 loại thẻ V và M04403977917 là loại Thẻ V, người sử dụng là ông Nguyễn Văn H.

+ Hạn mức mỗi thẻ tín dụng: 10.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười triệu đồng).

- Giữa Ngân hàng và ông H không có ký kết hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo nào.

Tính đến tháng 01/2024 ông H đã vi phạm thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng và phát sinh nợ quá hạn. Ngân hàng TMCP N - chi nhánh Tân Bình đã nhiều lần gọi điện, gửi thông báo nhắc nợ đến email và địa chỉ thường trú cũng như địa chỉ cư trú đăng ký cho ông Nguyễn Văn H yêu cầu ông H thực hiện nghĩa vụ trả nợ phát sinh của hai thẻ tín dụng số V04409154420 và M04403977917 nêu trên.

Tuy nhiên, tính đến nay, ông Nguyễn Văn H vẫn không thực hiện đúng cam kết với Ngân hàng TMCP N - chi nhánh Tân Bình - TP HCM (VCB), liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng, cố tình không hợp tác, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của ngân hàng nên Ngân hàng mới khởi kiện ông H đến Tòa án. Ông H nợ gốc và lãi, phí phát sinh của 02 thẻ tín dụng tính đến ngày 13/02/2026 tổng cộng bằng 16.035.474đồng, cụ thể:

- Đối với thẻ tín dụng số V04409154420:

+ Nợ gốc: 1.545.695đồng

+ Lãi và phí phát sinh: 1.791.144đồng

Tổng cộng nợ gốc và lãi: 3.336.839đồng (có bảng kê kèm theo)

- Đối với thẻ tín dụng số M04403977917:

+ Nợ gốc: 7.724.341đồng

+ Lãi và phí phát sinh: 4.974.294đồng

Tổng cộng nợ gốc và lãi: 12.698.635đồng (có bảng kê kèm theo)

Tại phiên tòa, Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP N là ông Nguyễn Hữu T1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn H phải trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 13/02/2026 bằng 16.035.474đồng (trong đó, nợ gốc của 02 thẻ 9.270.036 đồng và lãi và phí thẻ 6.765.438 đồng)

và các khoản lãi, phí phát sinh theo đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng được ký ngày 18/3/2022 cho đến khi ông H trả hết khoản nợ.

* Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng ông H không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các bước tiến hành tố tụng đúng theo quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Riêng đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N buộc ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày 13/02/2026 tổng cộng bằng 16.035.474 đồng (trong đó, nợ gốc của 02 thẻ 9.270.036 đồng và lãi và phí thẻ 6.765.438 đồng) và lãi, phí phát sinh theo hợp đồng sử dụng 02 thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Ngân hàng TMCP N khởi kiện ông Nguyễn Văn H đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông H phải thanh toán nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết vì ông H đã vi phạm thời hạn trả nợ thẻ tín dụng. Bị đơn ông H có địa chỉ ấp H, xã Đ, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông H với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung: Vào ngày 18/3/2022, Ngân hàng TMCP N - chi nhánh T3 - TP HCM (VCB Chi nhánh Tân Bình) có thống nhất theo đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng của ông Nguyễn Văn H và Ngân hàng cấp cho ông H 02 thẻ tín dụng gồm Thẻ tín dụng số V04409154420 loại thẻ V và M04403977917 là loại Thẻ V, hạn mức mỗi thẻ là số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Trong thời gian sử dụng thẻ ông H đã vi phạm các điều

khoản về sử dụng thẻ tín dụng và làm phát sinh nợ gốc, lãi và phí thẻ quá hạn và gây ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng TMCP N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền tính đến ngày 13/02/2026 bằng 16.035.474đồng (trong đó, nợ gốc của 02 thẻ 9.270.036 đồng và lãi và phí thẻ 6.765.438 đồng).

Xét đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng và bản điều khoản về điều kiện phát hành sử dụng 02 thẻ nêu trên mà ông H đã ký ngày 18/3/2022 là hợp đồng thẻ tín dụng tín chấp và bên ông H không có thế chấp tài sản bảo đảm, nội dung trong hợp đồng được các bên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật nên phát sinh hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, trong thời gian sử dụng thẻ tín dụng ông H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo thỏa thuận mà đã vi phạm điều khoản sử dụng thẻ tín dụng gây ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, X yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với bị đơn ông H đã bỏ địa phương đi đâu không rõ địa chỉ, căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có quy định: *“Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung”*. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thẩm tra, xác minh cho thấy ông H thường xuyên vắng mặt ở nơi cư trú nhưng ông H cũng thường có về nhà nhưng không rõ thời điểm trở về và không xác định được địa chỉ nơi cư trú mới. Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng đối với ông H theo quy định nhưng ông vẫn không có mặt không có lý do và ông H cũng không gửi bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến và yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N cho Tòa án nên HĐXX không thể xem xét nguyện vọng của ông H.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự có giá ngạch: $16.035.474\text{đồng} \times 5\% = 801.773\text{ đồng}$ (T2 trăm lẻ một ngàn bảy trăm bảy mươi ba đồng) buộc ông H có nghĩa vụ nộp do ông có lỗi trong vụ kiện này.

Ngân hàng TMCP N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 307.339đồng (ba trăm lẻ bảy ngàn ba trăm ba mươi chín đồng) theo lai thu số 0045537 ngày 30/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, vì yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 177, Điều 179, điểm e khoản 1 Điều 192, khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N.

Buộc: ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 13/02/2026 bằng 16.035.474đồng (Mười sáu triệu lẻ ba mươi lăm ngàn bốn trăm bảy mươi bốn đồng) (trong đó, nợ gốc của 02 thẻ 9.270.036 đồng và lãi và phí thẻ 6.765.438 đồng).

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H chưa thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi và phí phát sinh từ tính từ ngày 14/02/2026 theo thỏa thuận trong đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng ngày 18/3/2022 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Văn H phải nộp án phí 801.773 đồng (Tám trăm lẻ một ngàn bảy trăm bảy mươi ba đồng).

Ngân hàng TMCP N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 307.339đồng (ba trăm lẻ bảy ngàn ba trăm ba mươi chín đồng) theo lai thu số 0045537 ngày 30/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/02/2026). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ

sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSKV 5 – An Giang;
- THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Danh Thị Kiều Oanh